

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGÔN NGỮ CỦA NGƯỜI KHMER TẠI TRÀ VINH

Nguyễn Thị Huệ¹

ABSTRACT

On the basis of gathering data on bilingual contexts between Vietnamese and Khmer language in Mekong Delta, this paper aims at discovering Khmer language use contexts, calculating the frequency of Vietnamese in daily Khmer discourses (shown in recorded tapes), analyzing Khmer youths' choice of language in their everyday and culture life (using the questionnaire and interview 10, 11 and 12 grade Khmer students in the Provincial minority boarding school), and grown-up Khmer people who come from various backgrounds such as educational level, living contexts... The paper concentrates on making clear the overall picture of Vietnamese - Khmer language use in Tra Vinh with the preparation for the coming studies on bilingual, language contact results of Vietnamese and Khmer in linguistics aspects: lexicon, phonology and grammar.

Keywords: *bilingual, Khmer, Vietnamese, language mixing, Tra Vinh*

Title: *Language Use of Khmer People In Tra Vinh*

TÓM TẮT

Trên cơ sở tổng hợp các dữ liệu đã nghiên cứu về tình hình song ngữ giữa tiếng Việt và tiếng Khmer diễn ra ở Đồng bằng Sông Cửu Long, bài nghiên cứu này tập trung chủ yếu vào sự khám phá các bối cảnh sử dụng ngôn ngữ của người dân Khmer, khảo sát sự xuất hiện tiếng Việt vào trong các phát ngôn khi giao tiếp (bằng các ghi âm ngẫu nhiên), phân tích các lựa chọn ngôn ngữ trong sinh hoạt, đời sống văn hoá tinh thần của các em thanh thiếu niên Khmer (khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn các em học sinh lớp 10, 11 và 12 ở trường dân tộc nội trú Tỉnh), và những người Khmer trưởng thành với các xuất phát khác nhau về trình độ học vấn, bối cảnh gia đình.... Bài viết tập trung làm sáng tỏ bức tranh tổng thể về tình hình sử dụng ngôn ngữ Việt - Khmer đang diễn ra tại Trà Vinh, từ đó sẽ hình thành nền tảng cho các nghiên cứu chi tiết tiếp theo về các kết quả thu được từ quá trình song ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ Việt-Khmer phản ánh trên các mặt từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp.

Từ khóa: *Song ngữ, Khmer, Việt, pha trộn ngôn ngữ, Trà Vinh*

1 MỞ ĐẦU

1.1 Khái quát về dân số Khmer ở Trà Vinh

Trà Vinh là một tỉnh ở miền Tây Nam bộ có đồng bào dân tộc Khmer sinh sống với gần 300.000 người, chiếm tỉ lệ gần 30% dân số trong tỉnh.

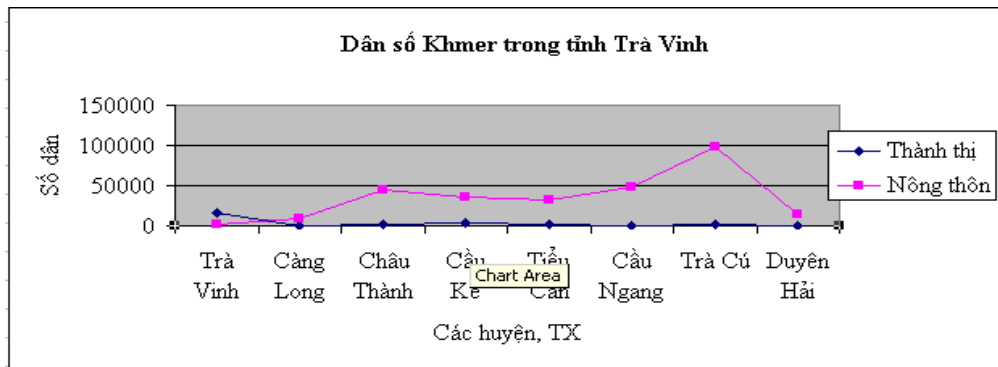
Đồng bào dân tộc Khmer sống tập trung theo từng phum, sóc, một số trong và ven đô thị, một vài nơi sống xen kẽ với đồng bào Kinh.

¹ Ban Phát triển Chương trình giảng dạy - Trường Đại Học Trà Vinh

Bảng 1: Thống kê dân số Tỉnh Trà Vinh năm 2006

Huyện, thị xã	Khmer	Tổng số	Tỉ lệ %
Trà Vinh	18.413	92.172	20
Càng Long	9.789	170.842	5,7
Châu Thành	46.609	145.136	32
Cầu Kè	38.553	124.662	30,9
Tiểu Cần	34.718	112.587	30,8
Cầu Ngang	49.201	137.860	35,7
Trà Cú	99.427	165.515	60
Duyên Hải	15.082	92.227	16,4
Tổng số	311.792	1.041.001	30

(nguồn: Cục Thống Kê Trà Vinh)



Hình 1: Phân bố dân số Khmer theo thành thị và nông thôn

1.2 Tiếng Khmer trong cộng đồng người Khmer ở Trà Vinh

Các phương tiện nghe nhìn (sách báo, tạp chí, chương trình phát thanh, truyền hình) bằng tiếng Khmer khá đa dạng: Ấn phẩm “Tin ảnh dân tộc và miền núi” của TTX VN bằng tiếng Khmer, nhật báo tiếng Khmer 8 trang của 02 tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng, “báo Trà Vinh” và “báo Sóc Trăng, tạp chí “Vappa-tho Khmer” (Văn hoá Khmer); chương trình phát thanh tiếng Khmer của cơ quan thường trú Đài Tiếng Nói VN, các đài phát thanh của các tỉnh trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long; chương trình truyền hình biểu diễn văn nghệ như ca, múa, nhạc kịch bằng tiếng Khmer... Nói chung các chương trình truyền thông đại chúng bằng tiếng Khmer có nội dung phong phú. Các độc giả, khán, thính giả người Khmer có thể hiểu những vấn đề chính. Tuy nhiên, khi đi sâu vào chi tiết nhất là đối với những từ ngữ vay mượn từ tiếng Pali, Sanskrit, hoặc những từ ngữ dịch từ các thuật ngữ mới của tiếng Việt phổ thông, khả năng tiếp nhận thông tin của các tầng lớp nhân dân có khác nhau. Đa số đồng bào Khmer chỉ sử dụng tiếng Khmer với chức năng khẩu ngữ giao tiếp hàng ngày nên các thuật ngữ chính trị, kinh tế-xã hội bằng tiếng Khmer rất xa lạ với họ. Tỉ lệ mù chữ Khmer trong đồng bào còn khá cao nên nhiều người không thể đọc báo chữ Khmer. Đối với giới trí thức am hiểu tiếng Khmer còn nhiều ý kiến tranh luận chưa thật sự thống nhất cho cách dùng từ ngữ, hay cách phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt ra tiếng Khmer trên báo đài.

Người Khmer sống tập trung ở vùng nông thôn (đặc biệt là vùng Trà Cú). Do mối quan hệ gắn bó lâu đời với đồng bào Kinh nên có đến 90% đồng bào Khmer biết nói tiếng phổ thông (tiếng Việt). Do vậy, có thể ước tính mức độ sử dụng ngôn ngữ của cộng đồng người Khmer ở Trà Vinh như sau:

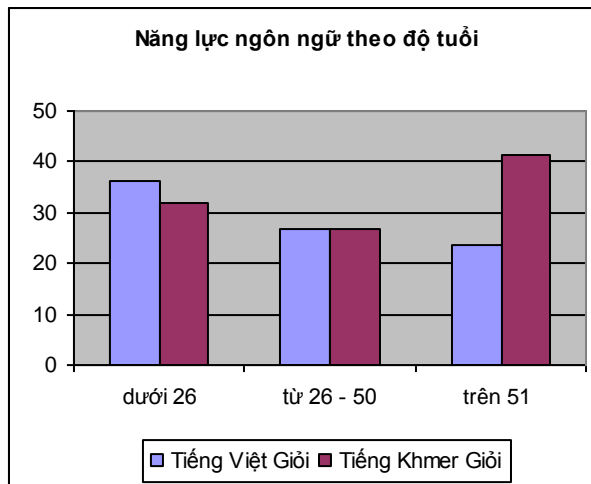
- Người không biết nói, biết nghe tiếng Việt khoảng 10 % (Đa số người lớn tuổi và người vùng sâu, vùng xa)
- Người chỉ biết nói, biết nghe tiếng Việt ở dạng giao tiếp giản đơn như chào hỏi, mời mọc, mua bán lật vặt ..khoảng 60%
- Người biết nói, biết nghe tiếng Việt trong sinh hoạt hàng ngày ở mức độ thông thạo hơn chiếm khoảng 25%
- Người nói được nghe được tiếng Việt kể cả trên lĩnh vực chính trị, KH-KT ..khoảng 5% (kể cả những người đã và đang hoạt động khu vực Nhà nước).

2 NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Người Khmer đều biết nói tiếng Khmer. Thậm chí các gia đình buôn bán ngay tại thị xã Trà Vinh, mặc dù thời gian tham gia học tập và sinh hoạt hoàn toàn với người Việt nhưng khi vào những dịp lễ, đám tiệc cùng với bà con thân thuộc họ sử dụng tiếng Khmer để giao tiếp. Vấn đề ngại nói tiếng Khmer công khai trước đám đông hoàn toàn chỉ trong các trường hợp mang tính chất trang nghiêm, hoặc là do đám đông có nhiều người Việt, còn trong bất kỳ các tình huống thông thường nào, người Khmer cảm thấy “thuận tiện” hơn khi sử dụng tiếng Khmer để nói chuyện với nhau.

2.1 Năng lực ngôn ngữ của người dân Khmer ở Trà Vinh

Số lượng người Khmer biết nói tiếng Việt khá lớn, nhưng với nhiều mức độ khác nhau. 36,4% người Khmer ở độ tuổi < 26 khẳng định mức độ tự tin khi sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày; tuy nhiên những người ở độ tuổi trên 50 rất giỏi tiếng Khmer khá hạn chế khi tự đánh giá mức độ thông thạo tiếng Việt. Bảng hỏi khảo sát tập trung vào sự tự khẳng định ở mỗi độ tuổi về khả năng thông thạo tiếng Việt hoặc tiếng Khmer khi giao tiếp. Khả năng thông thạo tiếng được biểu hiện bằng sự tự tin khi sử dụng ngôn ngữ (bao gồm cả nói và viết) trong giao tiếp hàng ngày với những người chung quanh.



Hình 2: Biểu đồ năng lực ngôn ngữ theo độ tuổi

Xét từ góc độ xã hội nghề nghiệp, năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt của người Khmer cũng có sự khác nhau khá rõ. Có thể nói, khả năng sử dụng tiếng Việt để giao tiếp tốt hơn cả là ở những người Khmer (kể cả Nam hoặc Nữ) tham gia hoạt động xã hội (bao gồm những người Khmer hoạt động Cách Mạng) và giảm dần ở những người thuần nông, nhất là ở những người chỉ có công việc ruộng nương và việc nhà.

2.2 Sự lựa chọn ngôn ngữ

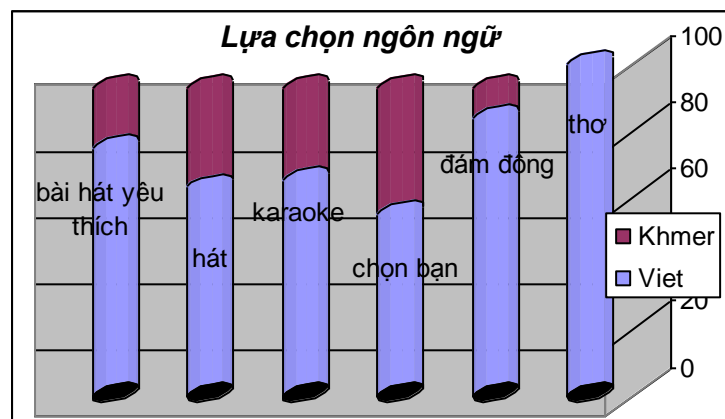
2.2.1 Trong gia đình

Ở các gia đình Khmer, tình hình giao tiếp song ngữ thường xảy ra, tập trung nhiều ở các gia đình trí thức. Khả năng song ngữ của các thành viên trong gia đình (đặc biệt khi đối với những gia đình có nhiều tiếp xúc với bên ngoài, hay cha mẹ có khả năng song ngữ tốt và con cái được đi học) rất cao. Ở những gia đình công chức hay giáo viên, thường cha mẹ rất nỗ lực trong việc nói tiếng Việt với con em họ, nhằm tạo ra không khí song ngữ. Nguyên do chủ yếu là vì tiếng Việt có thể được sử dụng trong những tình huống liên quan đến việc học tập của con cái hay công việc có liên quan đến chính quyền, đoàn thể. Tùy theo thói quen, những gia đình Khmer chủ yếu sử dụng tiếng Khmer trong gia đình, nhưng điều này có thể thay đổi khi trong cuộc hội thoại có mặt của người ngoài gia đình là người Việt. Tùy vào đặc điểm của người này, các thành viên trong gia đình có thể sử dụng dạng song ngữ hay sẽ luân chuyển sử dụng tiếng Việt, tiếng Khmer hay ngược lại.

2.2.2 Ngoài xã hội

(a) Ở người Khmer trẻ có học

Kết quả khảo sát 93 em học sinh Khmer ở trường PTDT nội trú tỉnh Trà Vinh cho thấy:



Hình 3: Sự lựa chọn ngôn ngữ của thanh thiếu niên Khmer

Tiếng Việt là lựa chọn ưu tiên, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến ý thức của các em trong việc quyết định ngôn ngữ để sử dụng cho từng phạm vi hoạt động. Hầu hết các em đều không có ấn tượng mạnh mẽ đến các bài thơ bằng tiếng Khmer. Có thể là do các em đang ôn bài để chuẩn bị cho kỳ thi học kỳ 2, vì vậy nên các bài trong sách giáo khoa ấn tượng rất mạnh đến các em (thời điểm thực hiện khảo sát vào tháng 5/2007). Tuy nhiên, trong lĩnh vực âm nhạc, có một số em thể hiện rõ ràng sự yêu thích tiếng Khmer của mình qua việc liệt kê các bài hát yêu thích, sở thích hát và hát karaoke bằng tiếng Khmer.

Khi được hỏi về tiêu chuẩn để chọn bạn trai hoặc bạn gái, các em đều cho rằng ngoại hình, kinh tế và trình độ đóng vai trò quan trọng khi quyết định lựa chọn. Cụ thể về trình độ, nói hoặc giỏi tiếng Việt hay tiếng Khmer không phải là yếu tố ưu tiên khi họ lựa chọn. Trước một đám đông chưa quen biết, các em sẽ cảm thấy an toàn và chắc chắn khi chọn ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Về mặt chức năng, rõ ràng tiếng Việt được đánh giá là ngôn ngữ sử dụng trong các trường hợp chính thức, trang trọng, mang phong cách lịch sự và hiểu biết khi cần thể hiện trước đám đông; tiếng Khmer dùng trong sinh hoạt không chính thức như tán gẫu với bạn bè sống chung phòng ký túc xá, bắt chọt hát vài một vài đoạn của một bài hát bằng tiếng Khmer.

Hiện tượng song ngữ ở cộng đồng người Khmer ở Trà Vinh diễn ra hoàn toàn theo tính chất tự nhiên, có chiều hướng hòa nhập với tiếng Việt nhiều hơn. Lớp người Khmer có tuổi dần dần được thay thế bằng những người trẻ, có học, và ý chí tiến thân trong học tập cũng như nghề nghiệp mạnh mẽ. Những bài hát, những vắn thơ của tiếng Việt đã gây ấn tượng cho các em về một khuynh hướng tốt đẹp trong cuộc đời. Phạm vi nhỏ hẹp trong phum, sóc đã dần được thay thế bằng những tiếp xúc hiện đại và đầy đủ hơn. Các em chọn bạn trai hay bạn gái đều đặt yếu tố kinh tế lên hàng đầu, cùng với các điều kiện về trình độ học vấn và ngoại hình.

(b) Ở người Khmer trưởng thành

Đối với người trưởng thành với đủ các xuất phát nghề nghiệp, tuổi, trình độ học vấn, tầm quan trọng của tiếng Việt được thể hiện qua tỉ lệ người dân biết sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp với năng lực nghe nói là chính yếu. Thậm chí những người lớn tuổi hoàn toàn ít giao lưu với “bên ngoài” khi tiếp xúc với người Việt (lấy trường hợp tôi là người điều tra làm minh chứng) đều cố gắng hết sức (với sự trợ giúp của con cháu, người chung quanh) để có thể nói tiếng Việt cho tôi hiểu. Rất khó để xác định các âm tiếng Việt, và thường xuyên các ông và các bà phải pha trộn với tiếng Khmer. Có những người lớn tuổi nhưng từng tham gia hoạt động trong các phong trào Cách Mạng, mặc dù năng lực viết và ghi chép bằng tiếng Việt họ không có nhưng khả năng nghe và giao tiếp bằng tiếng Việt với người Việt của họ rất tốt. Họ kể về những nguyên do phải giao tiếp được với nhau trong thời kỳ Cách Mạng là vấn đề sống còn vì vậy đòi hỏi họ ngoài tiếng Khmer cần biết thêm tiếng Việt để tiếp xúc với nhau, “để vận động bà con”. 100% người Khmer được phỏng vấn đều khẳng định rằng “Khmer là ngôn ngữ gốc” của họ. Và cũng 100% những người này khẳng định sự quan trọng của cả 02 ngôn ngữ trong đời sống hàng ngày. Đây là một hiện tượng tự nhiên cho sự xuất hiện của 02 ngôn ngữ tại vùng này, và hầu như trong mắt mọi người có thoáng chút ngỡ ngàng khi được yêu cầu xác định sự cần thiết của tiếng Việt để giao tiếp trong cộng đồng Khmer.

2.3 Các phạm vi sử dụng tiếng và tình hình pha trộn ngôn ngữ của cộng đồng Khmer Trà Vinh

2.3.1 Các phạm vi sử dụng tiếng

Tiếng Việt và tiếng Khmer tại địa phương được sử dụng ở những tình huống khác nhau. Tiếng Việt chiếm ưu thế khi sử dụng trong các bối cảnh. Hầu như người Khmer không sử dụng tiếng Khmer để giao tiếp với người Việt (chỉ ngoại trừ trường hợp

người Việt chủ động thể hiện là có thể giao tiếp bằng tiếng Khmer). Vấn đề ở đây là nhằm mục đích thông hiểu. Khi được hỏi tại sao họ cần lựa chọn ngôn ngữ đối với người giao tiếp, thì mọi người đều trả lời rằng “Sợ nói tiếng Khmer người ta không hiểu”. Họ chỉ “ưu tiên” tiếng Khmer khi giao tiếp với người Khmer, còn đối với người Việt họ mặc nhiên là phải sử dụng tiếng Việt.

Bảng 2: Các phạm vi sử dụng tiếng trong cộng đồng Khmer Trà Vinh

Phạm vi	Nói với người Việt		Nói với người Khmer	
	Bằng tiếng Việt	Bằng tiếng Khmer	Bằng tiếng Việt	Bằng tiếng Khmer
Trong gia đình	x			x
Ngoài chợ, nơi mua bán	x		x	x
Với chính quyền	x		x	x
Trong trường học	x		x	x
Nơi giải trí, thể thao, văn nghệ	x		x	x
Trong các cuộc họp ở xóm, ấp				x
Trong các cuộc họp của huyện, tỉnh, cơ quan	x			
Với bạn bè, hàng xóm	x		x	x
Kể chuyện cổ tích, hát ru, cúng, lễ chùa				x

2.3.2 Tình hình pha trộn ngôn ngữ trong cộng đồng người Khmer ở Trà Vinh

Kết hợp pha trộn 2 ngôn ngữ trong giao tiếp thường xuyên xảy ra. Sự pha trộn ngôn ngữ nhằm giúp thuận lợi cho việc giao tiếp thông tin. Nhiều người sử dụng song ngữ đã nhận thấy giá trị khi pha trộn 2 ngôn ngữ trong đối thoại thường ngày.

Bằng cách ghi âm ngẫu nhiên các giao tiếp hàng ngày trong gia đình và trong thôn xóm tại xã Lương Hoà huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh, 82 đoạn ghi âm các trao đổi, nói chuyện thông thường giữa các hộ dân ở trong vùng đã được tổng hợp làm cứ liệu cho nghiên cứu về sự pha trộn ngôn ngữ của người dân Khmer Trà Vinh. Đặc biệt, các đối tượng ghi âm rất đa dạng theo giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, mức độ và điều kiện tiếp xúc tiếng Việt. Tuy nhiên, do một số giới hạn về khả năng xử lý tiếng ồn, do ghi âm ngẫu nhiên nên sự hỗn tạp các âm thanh hầu như rất khó tránh khỏi. Mặc dù vậy, cùng với sự trợ giúp của vị sư cả địa phương, 2 sinh viên Khmer tốt nghiệp Đại học cũng là người địa phương, và trên 100 hộ dân Khmer nơi đây đã giúp người nghiên cứu hình thành nên phần tư liệu này.

- Pêây ành *điện* òi êng mớđêk êng minh chap *máy* ? (Hôm qua tao điện cho mày sao mày không bắt máy?)
- Piprô *máy* ành ê nung minh miên *sóng* (Tại vì máy của tao ở đó không có sóng).
- Thngai minh êng miên tâu tás tạ *nội/ngoại* êng tê. (Hôm qua mày có đi nhà *nội/ngoại* mày không?)
- Êng onki *giường* tâu. (Mày ngồi trên giường đi.)
- Bờ kmiên *vốn* kum thỡ *kinh doanh* i. (Nếu không có vốn, đừng làm kinh doanh chi).
- Khê òi *ráp* oksl mồ. (Cho ráp mấy chữ đó thành câu.)

- Mônbuôn nô bandal *phin/phim*. (04 giờ mới tới phim.)
- Êng phak *dép* phliêm tau. (Mày mang dép nhanh đi.)
- Phhiêm *sóm* ành tau phsa chia muôi *mẹ* ành. (Sáng sớm tao đi chợ với mẹ)
- Phok *chanh sôi* tê lây ôi na. (Uống chanh sôi không?)
- Tau *khám sức khoẻ* tê. (Có đi khám sức khoẻ không?)
- Khnhôm tau chắc *xăng* mờ phlét. (Tôi đi đổ xăng một chút.)
- *Photo* ôi ành phon. (Photo cho tao với!)
- Êng *chở* ành ne. (Mày chở tao đi.)
- Khnhôm *tức* kách nás. (Tôi tức lắm!)
- Phok *sữa* tê êng. (Uống sữa không?)
- Kmiên muôi *miếng* na chnganh soc. (Thịt chiên này không có miếng nào ngon cả.)
- Tau *rút* kás ê phsa. (Đi rút tiền ở chợ.)
- *Tự* thvor tau. (Tự làm đi!) 02 học sinh đang giờ làm bài trong lớp, hỏi nhau bị giáo viên nhắc nhở.
- Rot *tặng* ôi muôi liên tiêch. (Nhà nước tặng cho thêm 01 triệu nữa.) Chương trình thoát nghèo trên TV.
- Ban buôn *công* đây sre. (Được 04 công ruộng)
- Na *chở* êng mờ. (Ai chở mày qua?)
- Ành mờ *honda* ôm. (Tao đi xe ôm qua)
- Mẹ êng à tau *sạt bình* nâu. (Mẹ mày có đi sạt bình chưa?)
- Si num *mì* tê êng. (Ăn bánh mì không?)
- Tê. Ành si *xôi* pờ em. (Không, tao ăn xôi ngọt)
- Phok sara os pi *xị*. (Uống rượu hết 2 xị.)
- Phok *bia* os pây kes. (Uống bia hết 3 kết)
- Na cờ chây *bình xịt* tau na hơi. (Ai mượn bình xịt đi đâu rồi?)
- Thngai nung *thứ mấy*. ((Hôm nay thứ mấy?))
- Thngai nung *thứ ba*. (Hôm nay thứ ba)
- Pêsyá bék đôn ban man *chục*. (Hôm qua bê được mấy chục dừa?)
- Muôi bao srâu khnhôm thờ lân ban hasáp *kí*. (Một bao lúa tôi cân được 50 kí)
- Êng miên tinh *kiến thiết* tê thngai nung. (Hôm nay mày có mua vé số không?)
- Mòphờlét tiêch khnhôm tau *sửa mô tô*. (Một chút nữa tao đi sửa xe.)
- So xê lơ *bàn* nung tau. (Viết ở trên bàn đó đi.) (Tìm kiếm nơi để ngồi viết bài)
- Chở *kọt* tau tas *luôn* nua. (Chở bà đi luôn đi.)
- Thvor *tặng* ca rol thngai *luôn*. (Làm tặng ca mỗi ngày luôn)
- Thngai nung *sinh nhật* ành êng tinh y *tặng* ành nê. (Hôm nay sinh nhật tao, mày mua gì tặng tao?)
- Ành si ở tiêu nâu mức *bệnh viện Trà Vinh*. (Tao ăn hủ tiếu ở quán trước bệnh viện Trà Vinh)
- Êng thvor *thẻ* nung ós man phon. (Mày làm thẻ tín dụng đó hết mấy ngàn?)

- Ê pêsây mòđêk êng trầu *giao thông* chap à nê. (Ê! Hôm qua sao lại bị giao thông bắt vậy?)
- Piprô ành minh dốt cà đas *lái xe* tàm. (Tại vì tao quên đem giấy phép lái xe theo)
- Chuôi tinh spây *cải ngọt* ôi ành muôi phon *đồng*. (Mua cải ngọt cho tao một ngàn đồng)

Hiện tượng pha trộn ngôn ngữ thường bắt đầu với các thành viên trong gia đình hay bạn bè thân quen; trong trường hợp này pha trộn ngôn ngữ được sử dụng như một dấu hiệu thể hiện thân tình hay đôi khi để bộc lộ các bí mật khó nói. Sự pha trộn ngôn ngữ trong giao tiếp của người dân Khmer tại Trà Vinh xuất hiện rất thường xuyên với những phát ngôn trong giao tiếp hàng ngày với người thân quen, bạn bè, và đang dần trở nên phổ biến trong các lĩnh vực đề cập khi giao tiếp: trường học, kinh doanh, mua bán, thông tin phát thanh trên đài, TV...

Do đặc điểm khá tương đồng về cấu trúc của 2 ngôn ngữ Việt – Khmer nên các từ thay thế xuất hiện trong các pha trộn ngôn ngữ của người dân Khmer Trà Vinh đều thoả mãn về từ loại thay thế và vị trí, trật tự trong câu, hay cụm từ.

Chẳng hạn, động từ “điện” khi muốn nói về gọi điện cho ai đó “Tôi điện cho anh ta về.”; “Bà ấy điện cho chồng mình và oà khóc...” hay “Pêsây ành *điện* ôi êng mòđêk êng minh chap *máy* ?” (Hôm qua tao điện cho mày sao mày không bắt máy?). Trong các phát ngôn này, thứ tự của các từ Khmer hoàn toàn tương tự với thứ tự các từ trong câu tiếng Việt. Một số ví dụ khác:

- Êng *chở* ành ne. (Mày chở tao đi.)
- Mẹ êng à tâu *sạt bình* nâu. (Mẹ mày có đi sạt bình chưa?)
- Mòphòlét tiêch khnhôm tâu *sửa mô tô*. (Một chút nữa tao đi sửa xe.)

Về vấn đề trật tự phát sinh khả năng vay mượn từ vựng, danh từ thường có xu hướng được vay mượn thường xuyên hơn các nhóm từ loại khác. Tiếp theo là động từ hoặc tính từ, phụ thuộc vào ngôn ngữ khi thiết lập cấu trúc để hỏi; các từ chức năng như giới từ và đại từ thường xuất hiện cuối cùng. Trật tự này tương tự như ý tưởng về từ loại đóng hoặc mở trong nghiên cứu về thay đổi của ngôn ngữ: loại mở thường bao gồm danh từ, động từ, và tính từ; đây là những từ loại có khuynh hướng thay đổi nhanh nhất, loại đóng gồm đại từ, giới từ và liên từ. Các danh từ được dùng phổ biến trong chuyển mã của người Khmer Trà Vinh tập trung vào các sự vật thường sử dụng hàng ngày “máy” (điện thoại), “sóng” (điện thoại di động), “giường” (giường nằm), “dép”, “(cái) bàn”...; một số đại từ “nội/ngoại”, “mẹ”; các từ hư “luôn” - Thơ *tăng ca* rol thngai *luôn*. (Làm tăng ca mỗi ngày luôn).

Đặc điểm khác nhau nổi bật giữa 2 ngôn ngữ là tiếng Khmer không có thanh điệu. Tuy nhiên, các phát ngôn minh hoạ về pha trộn ngôn ngữ của người sử dụng đều thể hiện sự xuất hiện thanh điệu trong từng âm thanh phát ra.

3 KẾT LUẬN

Mỗi ngôn ngữ có một vai trò khác nhau, và những người dân trong cộng đồng đã ý thức về điều này. Họ cân nhắc trong việc lựa chọn ngôn ngữ sử dụng cho phù hợp và đạt hiệu quả, linh hoạt trong việc giao tiếp nhằm đạt các giá trị thông tin. Những sinh hoạt văn hoá cho đời sống tinh thần của họ đang ngày càng được nâng cao.

Nhiều bằng đĩa giải trí phát hành bằng tiếng Khmer, nhiều hoạt động lễ hội được duy trì và tổ chức qui mô. Vấn đề giáo dục tiếng Khmer, học tiếng Khmer được chính quyền của Tỉnh chú trọng. Thông qua các phân tích, dữ liệu thu thập được về người Khmer (về thái độ đối với ngôn ngữ, sự lựa chọn ngôn ngữ, tình hình song ngữ đang diễn ra...) chúng ta cảm nhận cuộc sống ngôn ngữ hàng ngày của người dân nơi đây. Tiềm ẩn đâu đó sự hoài mong cho việc thuận lợi hơn trong giao tiếp, trong học tập; chúng ta có thể nghĩ đến sự e dè của người dân Khmer khi tiếp cận, hoà nhập vào thế giới của chính trị, thương trường, trước đám đông, phát biểu trong các cuộc họp, nơi làm việc, trong lớp học... Sự cần thiết phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, các nhà quản lý và văn nghệ sĩ vùng đồng bằng Nam Bộ trong giai đoạn mới hiện nay là phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Việc kiểm kê đánh giá lại những giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc do họ sáng tạo ra là vốn quý của nhân loại. Đó là sự biểu hiện coi trọng phát huy vốn văn hoá cổ truyền của các dân tộc gắn liền với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Muốn làm được việc này phải có con người, những người có đủ tri thức và tâm huyết với dân tộc không chỉ về mặt lý luận, mà còn có cả tinh thần, sự hiểu biết các tri thức truyền thống, những tình cảm, thuần phong mỹ tục, văn hoá nghệ thuật, môi trường văn hoá... để khơi dậy lòng tự hào dân tộc làm động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bách khoa toàn thư về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (The Encyclopedia of Language and Linguistics). Oxford: Pergamon Press, 1994.
- Christina Bratt Paulston. Linguistic Minorities in Multilingual Settings. John Benjamins Publishing Company, 1994
- Đình Lê Thư (chủ biên); Trần Thanh Pôn; Nguyễn Khắc Cảnh & Đình Lư Giang. *Vấn đề giáo dục vùng đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2005.
- Đình Lư Giang. Luận văn cao học "Tình hình song ngữ Việt - Khmer ở Sóc Trăng (Trường hợp ấp Trà sét, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, Sóc Trăng)". 2003.
- <http://www.ac.wvu.edu/~sngynan/slx4.html>
- <http://www.sil.org/silewp/1996/002/>
- <http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn/default.aspx?param=2FACaWQ9MjY3MDUuZ3Jv dXBpZD0ma2luZD0ma2V5d29yZD0lM2NwJTnlc29uZyUyMG5nJWUxJWJiJWFmJT NjJTJmcCUzZSUwZCUwYSUzY3AIM2UIYzIiYTAIM2MIMmZwJTNI&page=1>
- <http://vdict.com/diglossie,5,0.html>
- Hugo Baetens Beardsmore. Bilingualism – Basic principles. Tieto Ltd., Bank House, England, 1982
- KHMER STUDIES-NGHIÊN CỨU KHMER NAM BỘ:
http://khmerstudies.net/index.php?option=com_content&task=view&id=6&Itemid=4&limit=1&limitstart=1
- Lê Quang Thiêm. *Về vấn đề ngôn ngữ quốc gia*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 1/2000.
 Liên hiệp các hội khoa học và kĩ thuật Việt Nam; Hội Ngôn ngữ học Việt Nam & Viện Đại học mở Hà Nội. Tài liệu Hội thảo khoa học Dùng tiếng nước ngoài làm chuyển ngữ (ngôn ngữ giảng dạy) trong quá trình hội nhập. Hà Nội, 2005.
- Lý Toàn Thắng & Nguyễn Văn Lợi. *Về sự phát triển của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thế kỉ XX*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 2/2001.

- Nguyễn Ngọc San. *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*. NXB Đại Học Sư phạm, 2003
- Nhiều tác giả. *Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam Bộ*. NXB Đại học Quốc Gia TP HCM, 2003
- Ralph Fasold. *Xã hội – ngôn ngữ học của xã hội* (Viện ngôn ngữ học dịch và biên tập), 1995
- Sơn Phước Hoan (chủ biên), Sơn Ngọc Sang. *Chuyện kể Khmer*. Tập 5, tái bản lần thứ 2. NXB Giáo dục, 1999
- Sơn Phước Hoan. *Thành ngữ và tục ngữ Khmer*. NXB Giáo Dục, 1995
- Spolsky, B. (Ed.). *Concise Encyclopedia of Educational Linguistics*. Oxford: Elsevier, 1999.
- TRANG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC:
<http://www.cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=2013>
- Viện khoa học xã hội vùng Nam bộ. *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Việt Nam*. NXB khoa học xã hội, 2005
- Viện Ngôn ngữ học. *Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa dân tộc*. Nxb Khoa học Xã hội, H., 1997.